

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*&-----**

Bản án số:134/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-4-2023

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Độ

2/ Bà Ngô Thị Yên

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung– Kiểm sát viên

Ngày 13-4-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2023/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX ngày 07/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐ-ST ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976; Cư trú: Thôn V, xã X, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1974; Cư trú tại: Thôn V, xã X, huyện Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2022 và các lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân K tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 23/6/2004 tại UBND xã Đ, huyện Q, Hà Nội. Sau khi kết hôn, do

tính chất công việc nên anh K về nhà chị chung sống cùng gia đình chị tại Thôn V, xã X. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K uống rượu về đánh chửi chị. Chị đã làm đơn xin ly hôn anh K đến Tòa án nhân huyện Đông Anh hai lần nhưng sau đó chị rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin ly hôn anh K.

- **Về con chung:** Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000. Các con chung đã thành niên nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chị không trình bày hay kê khai gì.

*** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Xuân K nhưng anh K không đến Tòa án làm việc và không trình bày ý kiến của mình.**

*** Tại phiên tòa:**

- Chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh K; về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000. Các con chung đã thành niên nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q; Về con chung: Vợ chồng anh K, chị Q có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000. Các con chung đã thành niên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị Q phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị Q có đăng ký kết hôn với anh K ngày 23/6/2004 tại UBND xã Đ, huyện Q, Hà Nội. Chị Q xin ly hôn anh K. Anh K có nơi cư trú tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K đến Tòa án làm việc và cung cấp ý kiến của mình về việc chị Q xin ly hôn nhưng anh K vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh K hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh K vắng mặt

không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Nguyễn Xuân K kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Q kiên quyết xin ly hôn. Anh K đã được Tòa án Thông báo và triệu tập nhiều lần đến Tòa án nhưng anh K không trình bày và không đến Tòa án làm việc. Theo xác minh tại địa phương, gia đình thì anh chị quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Chị Q đã nhiều lần làm đơn đến Tòa án để xin ly hôn anh K nhưng sau chị Q lại rút đơn về đoàn tụ. Hiện nay anh chị đã ly thân không quan tâm đến nhau. Do vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh K, chị Q có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000. Các con chung đã thành niên nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ chị Q phải chịu để sung công quỹ nhà nước;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; - Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Q đối với anh Nguyễn Xuân K. Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân K.

2. Về con chung: Vợ chồng anh K, chị Q có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 và Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000. Các con chung đã thành niên nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

4. Về án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Q phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0047430 ngày 09/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai, sơ thẩm, chị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh K có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ.

Thịnh Quang Thắng